TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v "T/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Lê Thành Thật**
Phó chủ tịch HĐND phường M – thành phố L

2. **Bà Lê Thị Thanh Vân**
Cán bộ tư pháp phường X – thành phố L

- *Thư ký phiên tòa*: **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- *Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: **Ông Nguyễn Phú Hữu** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST–DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP SG**

Trụ sở: số 266 – 268, đường NKKN, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy K - chức vụ: TGĐ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P – chức vụ: Giám đốc Trung tâm thẻ (Theo văn bản ủy quyền số 4322/2016/GUQ-PL&TT ngày 30/11/2016).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phúc: Ông Huỳnh Công K - chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro - chi nhánh An Giang theo văn bản ủy quyền số 1328/2018/UQ-TTT ngày 01/7/2018. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu H**,** sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: số 468B2, đường L, khóm BK, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Huỳnh Công K trình bày:

Ngày 30/11/2010, bà Lê Thị Thu H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng SG và được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mục đích sử dụng vào việc tiêu dùng cá nhân. Bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 92.277.715đ. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H còn nợ lại ngân hàng số tiền 60.266.237đ, trong đó vốn gốc là 35.253.557đ, lãi quá hạn là 25.012.680đ chưa thanh toán.

Do phía bà H vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (16/7/2019) là 93.843.206đ, trong đó vốn gốc là 35.253.557đ, lãi 58.589.649đ, đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh trên nợ gốc từ ngày 17/7/2019 theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi tất toán số nợ.

* Bị đơn bà Lê Thị Thu H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Công K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Thu H phải trả số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (16/7/2019) 93.843.206đ, trong đó vốn gốc là 35.253.557đ, lãi 58.589.649đ, đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh trên vốn gốc từ ngày 17/7/2019 theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi tất toán số nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Giữa Ngân hàng TMCP SG và bà H có thực hiện giao kết xác lập hợp đồng ngày 30/11/2010. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho bà H với hạn mức sử dụng thẻ là 30.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện nhiều giao dịch nhưng kể từ ngày 22/01/2015, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc 35.253.557 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật. Về tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu bà Hương trả 58.589.649đ tiền lãi từ ngày 22/4/2015 đến 16/7/2019 và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 17/7/2019 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng trên số tiền vốn gốc là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP SG với bà Lê Thị Thu H là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Ngân hàng TMCP SG là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định bà Lê Thị Thu H là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Ngân hàng ký văn bản ủy quyền cho ông Huỳnh Công K tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông K tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.4] Bị đơn bà Lê Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tình trạng cư trú được Công an phường B, thành phố L xác nhận: "Bà H có sinh sống tại số 468B2, đường Lý Bôn, khóm Bình Khánh 7, phường B, thành phố L. Đến năm 2015 đã bán nhà đi chuyển đi nơi khác". Như vậy, bị đơn bán nhà bỏ địa phương đi nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê Thị Thu H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch dân sự ngày 30/11/2010, bị đơn vi phạm hợp đồng từ năm 2015. Xét nội dung và hình thức thì giao dịch giữa các đương sự phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn

Qua trình bày của đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 30/11/2010, bị đơn Lê Thị Thu H có thỏa thuận ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng với hạn mức sử dụng 30.000.000đ, mục đích sử dụng vào việc tiêu dùng cá nhân. Nội dung hợp đồng sử dụng thẻ quy định chi tiết về các mục phát hành thẻ, sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng, phương thức thanh toán, các loại phí, điều khoản khác. Điều này thể hiện bị đơn tự nguyện sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng, đồng ý các điều khoản và điều kiện cấp thẻ và đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng. Về lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng theo Thông báo 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất, phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế thể hiện mức lãi suất mới là 2,15%/tháng (mức lãi suất cũ 2,05%/tháng), ngày áp dụng kể từ ngày 06/7/2011, áp dụng cho tất cả thẻ tín dụng quốc tế phát hành cho khách hàng, điều này phù hợp khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và điểm b khoản 2 Điều 118 Luật tổ chức tín dụng.

Quá trình sử dụng thẻ theo bản tóm tắt sao kê đến ngày 16/7/2019 thể hiện bị đơn giao dịch lần đầu vào ngày 20/12/2010, ngày giao dịch lần cuối vào ngày 22/12/2014 và còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 35.253.557đ (được áp dụng lãi trong hạn 2.15%/tháng), kể từ ngày 22/4/2015 tính lãi quá hạn (bằng 150% lãi

trong hạn là 3.225%/tháng), do vi phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả vốn lãi còn nợ, đồng thời tính lãi trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn tất toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3.2] Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn bà Lê Thị Thu H không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP SG, buộc bị đơn Lê Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền 93.843.206đ, trong đó vốn gốc là 35.253.557đ, lãi 58.589.649đ, đồng thời gian duy trì lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên nợ gốc kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi bị đơn Lê Thị Thu H tất toán xong nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Lê Thị Thu H phải có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và điểm b khoản 2 Điều 118 Luật tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt bị đơn Lê Thị Thu H.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG đối với bị đơn bà Lê Thị Thu H.

Buộc bà Lê Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 93.843.206đ (chín mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng), trong đó vốn gốc 35.253.557đ, lãi 58.589.649đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu H phải nộp 4.692.000đ (bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SG 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009740 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP SG chi nhánh An Giang được đại diện nhận lại hoàn án phí này.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.L;
- VKSND TP.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam